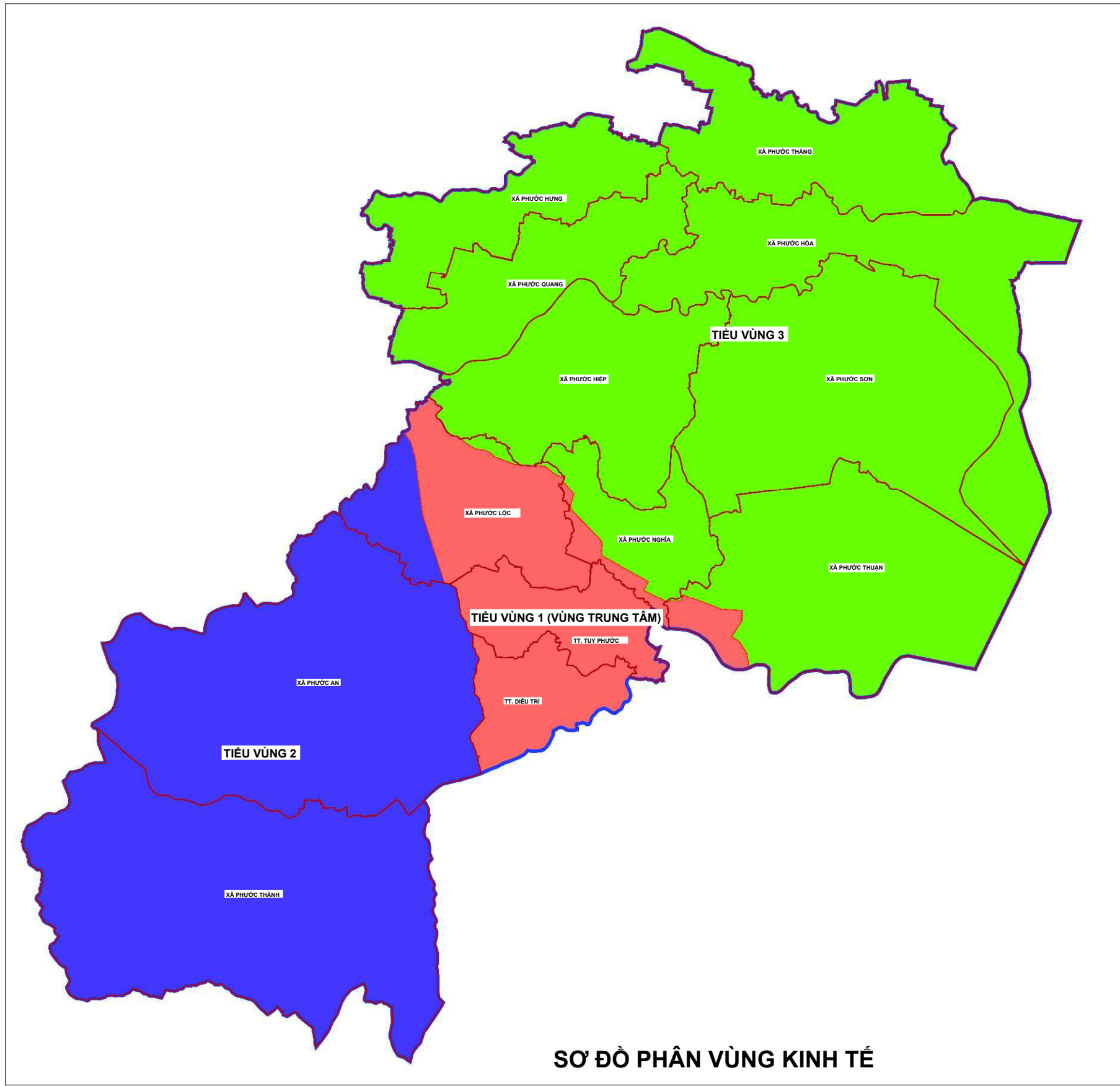
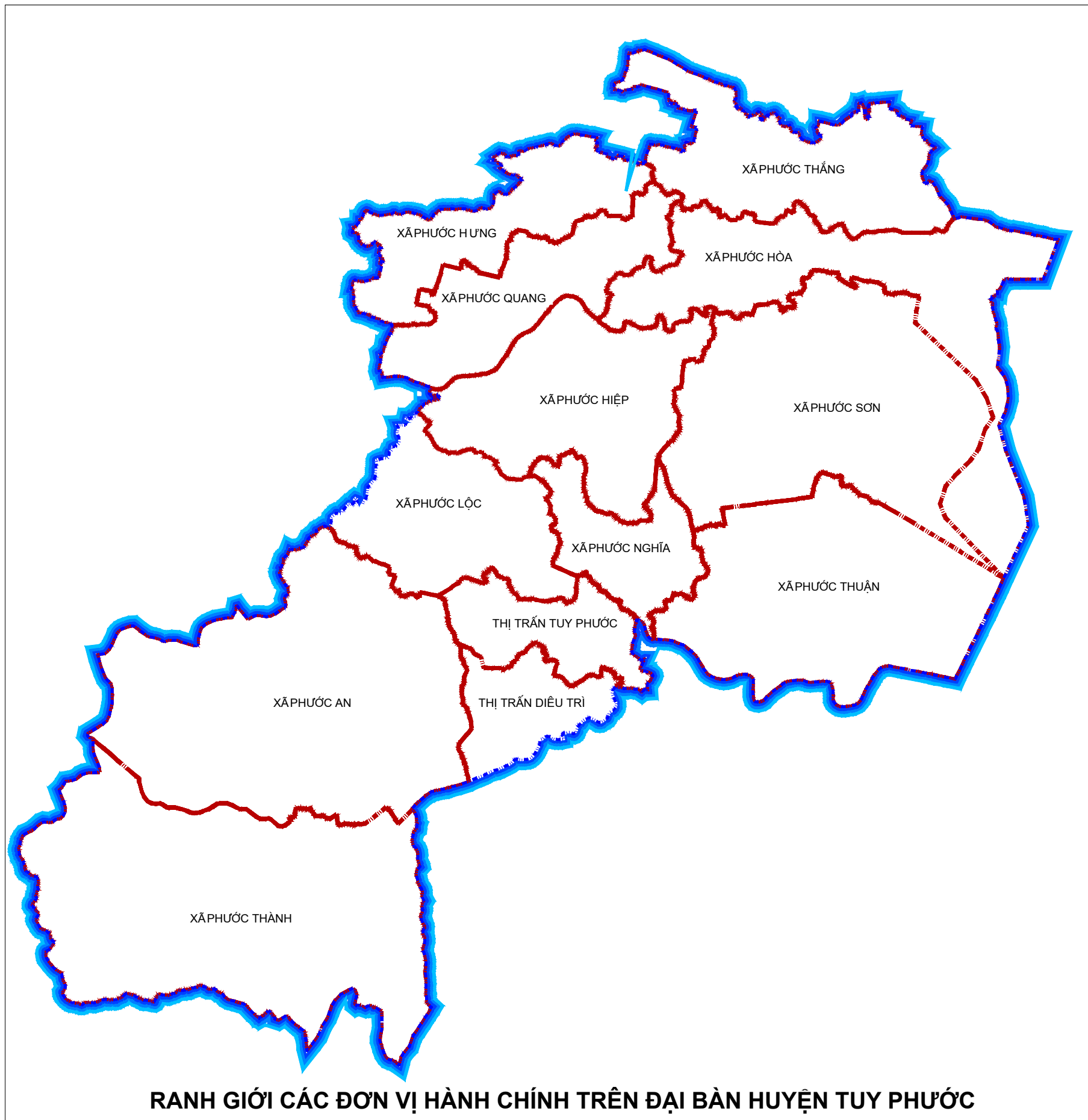


HUYỆN TUY PHƯỚC - TỈNH BÌNH ĐỊNH

ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN TUY PHƯỚC ĐẾN NĂM 2035 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

ĐỊA ĐIỂM: TẠI HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH.

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG



PHÂN VÙNG KINH TẾ:

a. tiểu vùng 1: (phát triển dân cư đô thị chất lượng cao, trung tâm thương mại dịch vụ...)

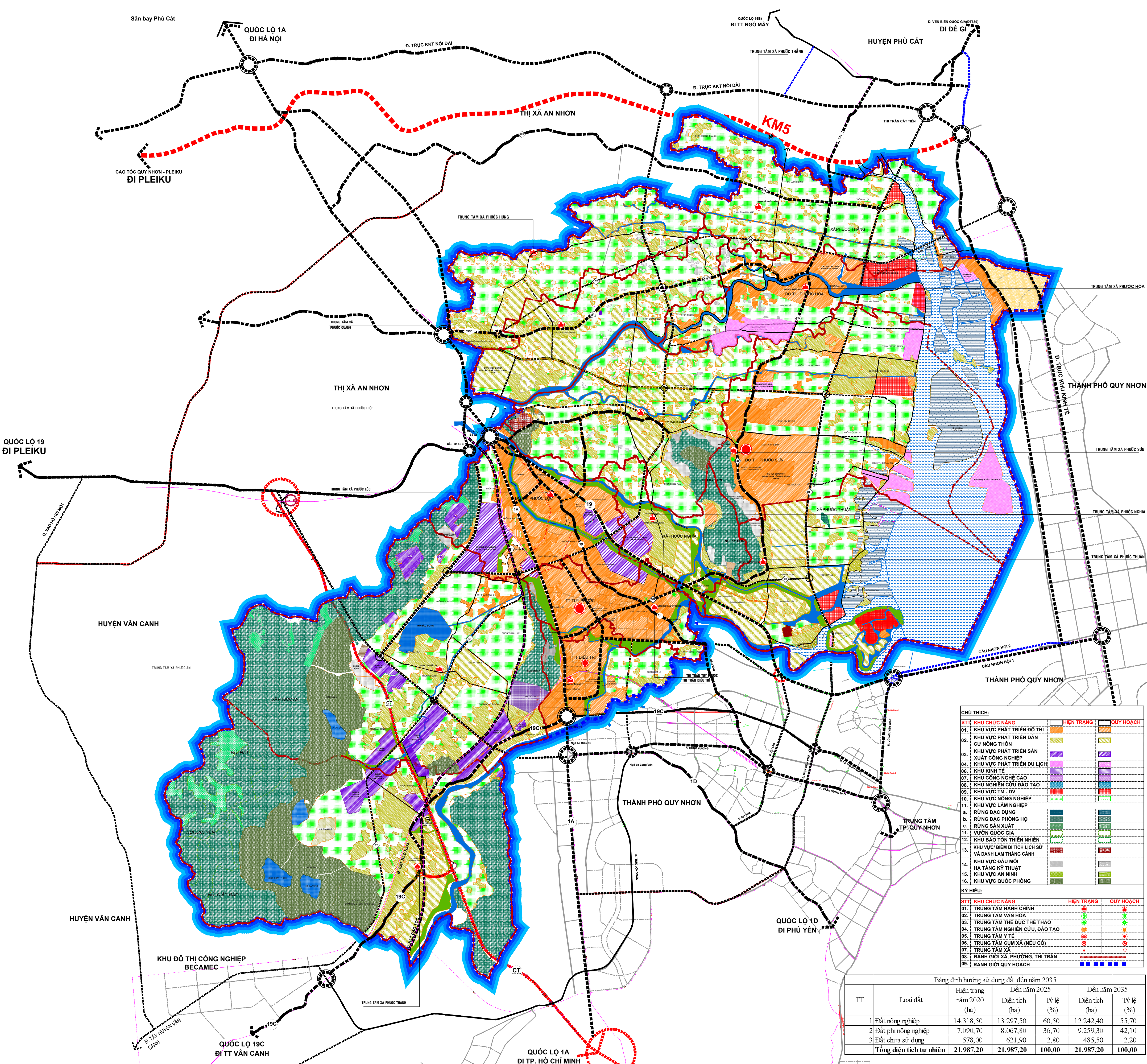
- Bao gồm thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, một phần xã Phước An, Phước Lộc, Phước Nghĩa và Phước Thuận, tổng diện tích quy hoạch khoảng 2.322ha. Là khu vực trung tâm huyện Tuy Phước trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục đô thị.

b. Tiểu vùng 2: (phát triển hệ thống kho bãi, dịch vụ logistics, các cụm công nghiệp...)

- Bao gồm xã Phước An, xã Phước Thành, một phần xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tổng diện tích 7.202ha. Là khu vực đô thị cửa ngõ phía Tây Bắc của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận; khu vực đô thị dịch vụ mới, đầu mối giao thông quan trọng cấp vùng (đầu mối giao thông hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông Tây khu vực nam Trung Bộ; bảo gồm giao thông đường bộ, đường sắt và cảng biển); nằm trong khu vực phát triển lan tỏa của khu đô thị công nghiệp Becamec.

c. Tiểu vùng 3: (Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, văn hóa khu vực phía Tây đầm Thị Nại. Phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết hợp phát triển dân cư gắn với bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa di tích, cảnh quan, làng nghề truyền thống)

- Bao gồm các xã Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Hưng, Phước Thắng, Phước Lộc, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Quang tổng diện tích 12.188ha



CHÚ THÍCH:

STT	KHU CHỨC NĂNG	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
01.	KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ		
02.	KHU VỰC PHÁT TRIỂN DÂN CƯ NÔNG THÔN		
03.	KHU VỰC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP		
04.	KHU VỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH		
06.	KHU KINH TẾ		
07.	KHU CÔNG NGHỆ CAO		
08.	KHU NGHIÊN CỨU BẢO TÀO		
09.	KHU VỰC TM - DV		
10.	KHU VỰC NÔNG NGHIỆP		
11.	KHU VỰC LÂM NGHIỆP		
a.	RỪNG ĐẶC DỤNG		
b.	RỪNG ĐẶC PHÒNG HỘ		
c.	RỪNG SẢN XUẤT		
11.	VƯỜN QUỐC GIA		
12.	KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN		
13.	KHU VỰC DI SẢN LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA		
14.	KHU VỰC ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
15.	KHU VỰC AN NINH		
16.	KHU VỰC QUỐC PHÒNG		

KÝ HIỆU:

STT	KHU CHỨC NĂNG	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
01.	TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH		
02.	TRUNG TÂM VĂN HÓA		
03.	TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO		
04.	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, BẢO TÀO		
05.	TRUNG TÂM Y TẾ		
06.	TRUNG TÂM CỤM XÃ (NẾU CÓ)		
07.	TRUNG TÂM XÃ		
08.	RANH GIỚI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN		
09.	RANH GIỚI QUÝ HOẠCH		

Bảng định hướng sử dụng đất đến năm 2035

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Đến năm 2025		Đến năm 2035	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	14.318,50	13.297,50	60,50	12.242,40	55,70
2	Đất phi nông nghiệp	7.090,70	8.067,80	36,70	9.259,30	42,10
3	Đất chưa sử dụng	578,00	621,90	2,80	485,50	2,20
Tổng diện tích tự nhiên		21.987,20	21.987,20	100,00	21.987,20	100,00